

THỰC TRẠNG SỐ LIỆU THỨ CẤP PHỤC VỤ XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ AN SINH QUỐC GIA^(*)

Nguyễn Đình Hòa

Tóm tắt: Việc xây dựng hệ thống an sinh quốc gia là cần thiết và cấp bách đối với việc phát triển bền vững của đất nước. Bộ chỉ số an sinh quốc gia bao gồm các chỉ số thành phần nhằm đo lường mức độ đảm bảo an sinh quốc gia. Mục tiêu của bài viết là phân tích, đánh giá hiện trạng chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và sự sẵn có về số liệu thứ cấp liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, nhiều khía cạnh phản ánh các vấn đề về an sinh quốc gia chưa có chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Các chỉ tiêu hiện có vẫn chưa phản ánh đầy đủ, hài hòa theo các nội dung của phát triển bền vững. Nhiều chỉ tiêu vẫn chưa có sẵn số liệu và các số liệu hiện có đang nằm rải rác ở nhiều địa chỉ khác nhau và thiếu đồng bộ theo thời gian, không gian. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất các giải pháp về thu thập, tổng hợp số liệu thứ cấp phục vụ xây dựng bộ chỉ số an sinh quốc gia.

Từ khóa: An sinh quốc gia; Bộ chỉ số an sinh quốc gia; Số liệu thứ cấp.

Đặt vấn đề

Sau gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu về kinh tế - xã hội, diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực song tiềm ẩn nhiều nguy cơ về thiếu bền vững. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân có nhiều cải thiện nhưng nghèo đói, bất bình đẳng, đạo đức xã hội, an ninh và an toàn xã hội,... đang đặt ra không ít thách thức đối với bền vững về xã hội. Vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh tác động tiêu cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội và an ninh con người của Việt Nam, đặt ra những nguy cơ về bất ổn xã hội và thách

thức đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Việc xây dựng hệ thống an sinh quốc gia là cần thiết và cấp bách.

Ngày 17/02/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 07/NQ-CP về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó có nội dung xây dựng bộ chỉ số an sinh quốc gia (ASQG). Bộ chỉ số này bao gồm các bộ chỉ số thành phần: bộ chỉ số phát triển kinh tế bền vững; bộ chỉ số phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe; bộ chỉ số phát triển giáo dục và đào tạo; bộ chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương; bộ chỉ số về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; bộ chỉ số dân số - lao động - việc làm; bộ chỉ số đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội; bộ chỉ số phát triển văn hóa tinh thần - đạo đức xã hội; bộ chỉ số về bình đẳng giới.

Một trong những khó khăn, thách thức đối với các bộ chỉ số thành phần của ASQG là xác định các chỉ tiêu, chỉ số có căn cứ pháp lý, khoa học và phù hợp với thực tiễn các cơ sở dữ liệu sẵn có. Hơn nữa, việc xây dựng các bộ

^(*) Bài viết là một sản phẩm của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ “Thu thập, tổng hợp và đánh giá cơ sở dữ liệu thứ cấp phục vụ xây dựng bộ chỉ số an sinh quốc gia” thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ “Xây dựng Bộ chỉ số đảm bảo an sinh quốc gia”.

chỉ số thành phần thuộc ASQG gặp không ít khó khăn, thách thức như tính sẵn có của số liệu, nguồn cung cấp, người cung cấp, người sử dụng, năng lực thống kê và thể chế quản lý, giám sát số liệu. Không ít số liệu có liên quan đến an sinh quốc gia, tuy có sẵn nhưng phương pháp đo lường, thu thập thiếu đồng bộ theo thời gian và không gian.

Mục tiêu của bài viết này là rà soát, đánh giá hệ thống chỉ tiêu, chỉ số và hiện trạng, mức độ sẵn có của các số liệu liên quan đến các bộ chỉ số thành phần thuộc ASQG. Các kết quả nghiên cứu góp phần đề xuất các chỉ tiêu, chỉ số của bộ chỉ số an sinh quốc gia phù hợp với các nguyên tắc xây dựng chỉ số.

1. Các chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu thống kê của Việt Nam có liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia

1.1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

Luật Thống kê năm 2021 (Luật số 01/2021/QH15) là văn bản pháp lý cao nhất quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Hệ thống này bao gồm các chỉ tiêu ở cấp quốc gia và cấp địa phương (cấp tỉnh, huyện và xã).

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ở cấp quốc gia được quy định chi tiết tại Luật số 01/2021/QH15. Luật này quy định danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia bao gồm 21 lĩnh vực với 230 chỉ tiêu.

Trong số 230 chỉ tiêu thuộc danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia, có tới 180 chỉ tiêu liên quan trực tiếp tới các bộ chỉ số an sinh quốc gia và trong 180 chỉ tiêu này, có 16 chỉ tiêu có thể sử dụng các bộ chỉ số thành phần khác nhau thuộc bộ chỉ số an sinh quốc gia. Trong danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia chưa có các chỉ tiêu của bộ chỉ số phát triển văn hóa tinh thần - đạo đức xã hội (Bảng 2).

Trong khi đó, *hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh* (Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg

ngày 24/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) có 21 lĩnh vực như thống kê cấp quốc gia nhưng chỉ có 154 chỉ tiêu, trong đó, có 17 chỉ tiêu được bổ sung, khác so với chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Trong số 154 chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, có 130 chỉ tiêu liên quan tới các bộ chỉ số an sinh quốc gia (Bảng 2). Trong 130 chỉ tiêu này, có 111 chỉ tiêu là giống nhau ở cấp quốc gia và cấp tỉnh. Các chỉ tiêu liên thông giữa trung ương và địa phương tạo sự liên thông cho việc tổng hợp, so sánh có liên quan.

1.2. Các bộ chỉ tiêu phát triển bền vững

Phát triển bền vững là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước. Các bộ chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam có nhiều chỉ tiêu, chỉ số gần gũi và liên quan trực tiếp nhất với bộ chỉ số an sinh quốc gia. Các bộ chỉ tiêu phát triển bền vững bao gồm ở cấp quốc gia và địa phương.

Các chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững địa phương

Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững địa phương giai đoạn 2013 - 2020 (Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững địa phương giai đoạn 2013 - 2020) bao gồm 43 chỉ tiêu, trong đó: có 28 chỉ tiêu chung (kinh tế: 7 chỉ tiêu; xã hội: 11 chỉ tiêu; tài nguyên và môi trường: 9 chỉ tiêu) và 15 chỉ tiêu về các đặc thù vùng. Bộ chỉ tiêu này có 21 chỉ tiêu liên quan đến các bộ chỉ số an sinh quốc gia, trong đó có một số chỉ tiêu có thể được sử dụng cho các bộ chỉ số thành phần thuộc bộ chỉ số an sinh quốc gia (Bảng 2).

Các chỉ tiêu trong bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững địa phương mới chỉ dừng lại ở danh mục các chỉ tiêu. Các chỉ

tiêu chưa được định nghĩa và hướng dẫn về phương pháp tính toán, thu thập số liệu. Hơn nữa, bộ chỉ tiêu này thiếu sự đồng bộ và tính liên kết giữa cấp quốc gia và địa phương.

Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững cấp quốc gia

Bộ chỉ tiêu giám sát và đánh giá phát triển bền vững Việt Nam 2011 - 2020

Bộ chỉ tiêu giám sát và đánh giá phát triển bền vững Việt Nam 2011 - 2020 (Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ) bao gồm 30 chỉ tiêu được chia thành 4 nhóm chính gồm: i) các chỉ tiêu tổng hợp, bao gồm 3 chỉ tiêu; ii) kinh tế có 10 chỉ tiêu; iii) xã hội có 10 chỉ tiêu; iv) tài nguyên và môi trường có 7 chỉ tiêu. Bộ chỉ tiêu này với 30 chỉ tiêu, trong đó có 21 chỉ tiêu có liên quan đến các bộ chỉ số an sinh quốc gia (Bảng 2).

Bộ chỉ tiêu giám sát và đánh giá phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 mới chỉ đưa ra các chỉ tiêu trên một số lĩnh vực nhất định và các chỉ tiêu chưa được định nghĩa và hướng dẫn về phương pháp tính toán, thu thập số liệu (Vũ Tuấn Anh, 2020).

Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030

Các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 (theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc) tại Việt Nam được thể chế hóa và cụ thể hóa theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Quyết định số 622/QĐ-TTg bao gồm 17 mục tiêu chung tương ứng hoàn toàn với 17 mục tiêu chung của Liên hợp quốc nhưng chỉ có 115 mục tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày

22/01/2019 về quy định bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam. Bộ chỉ tiêu này bao gồm 158 chỉ tiêu phản ánh trên cả 3 khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường. Xét theo các mục tiêu toàn cầu, trong số 158 chỉ tiêu, có 109 chỉ tiêu tương thích với 101 chỉ tiêu ở cấp độ toàn cầu và 49 chỉ tiêu phù hợp, phản ánh những đặc thù của Việt Nam. Xét theo các lĩnh vực, trong số 158 chỉ tiêu: tăng trưởng kinh tế bền vững: 17 chỉ tiêu; dân số và phát triển: 48 chỉ tiêu; lao động: 13 chỉ tiêu; liên quan đến trẻ em có 55 chỉ tiêu; liên quan đến giới: 70 chỉ tiêu; môi trường và biến đổi khí hậu: 19 chỉ tiêu. Bộ chỉ tiêu theo Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT đã làm rõ khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, nguồn số liệu, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập và tổng hợp đối với từng chỉ tiêu.

So với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, bộ chỉ tiêu theo Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT có 38 chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Luật Thống kê năm 2021.

So sánh bộ chỉ tiêu giám sát phát triển bền vững theo Quyết định số 432/QĐ-TTg (cho giai đoạn 2010-2020) và theo Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT cho thấy, trong số 30 chỉ tiêu trong Quyết định số 432/QĐ-TTg, có 12 chỉ tiêu (trong đó: kinh tế: 3 chỉ tiêu; xã hội: 6 chỉ tiêu; tài nguyên và môi trường: 3 chỉ tiêu) được tiếp tục đưa vào sử dụng trong Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT. Nói cách khác, có tới 18 trong số 30 chỉ tiêu theo Quyết định số 432/QĐ-TTg không được sử dụng, đáng chú ý là các chỉ tiêu: i) tổng sản phẩm trong nước xanh (GDP xanh); chỉ số phát triển con người; iii) chỉ số bền vững môi trường.

Để cụ thể hóa Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững tại Việt Nam (theo Quyết định số 622/QĐ-TTg), Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 về lộ trình thực hiện các mục

tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030. Quyết định số 681/QĐ-TTg bổ sung so với Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT tới 8 chỉ tiêu liên quan trực tiếp các bộ chỉ số an sinh quốc gia, bao gồm: người dân tộc thiểu số: 1 chỉ tiêu; người khuyết tật: 2 chỉ tiêu; y tế: 1 chỉ tiêu; bình đẳng giới: 1 chỉ tiêu; tài nguyên và môi trường: 3 chỉ tiêu.

Nhằm thúc đẩy thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững trong các ngành, các cấp và các địa phương đến năm 2025 và 2030, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/09/2020 về phát triển bền vững. Nghị quyết số 136/NQ-CP bổ sung so với Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT các chỉ tiêu: i) tỷ lệ người dân sử dụng sản phẩm, thiết bị, giải pháp số; ii) số lượng doanh nghiệp số.

Như vậy, bộ chỉ tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030 được thể hiện qua các văn bản: i) Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; ii) Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ; iii) Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ.

Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030 có 127 chỉ tiêu liên quan đến các bộ chỉ số an sinh quốc gia (Bảng 2).

1.3. Các chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành có liên quan

Các chỉ tiêu liên quan đến các bộ chỉ số an sinh quốc gia từ hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành bao gồm:

Các chỉ tiêu có liên quan đến phát triển kinh tế bền vững, bao gồm: i) hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) bao gồm 6 chỉ tiêu về số lượng doanh nghiệp và thực hiện khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; ii) bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi doanh

ngiệp (Bộ Thông tin và Truyền thông) có 61 chỉ tiêu về chuyển đổi số của doanh nghiệp.

Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu có các chỉ tiêu từ các quy định: i) hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường theo Thông tư số 73/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; ii) hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo Thông tư số 16/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với 6 chỉ tiêu về phòng, chống thiên tai; iii) hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công thương theo Thông tư số 33/2022/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương có 8 chỉ tiêu về môi trường trong sản xuất công nghiệp và khu công nghiệp.

Danh mục chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em (Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội) có nhiều chỉ tiêu về trẻ em, dân số, y tế, giáo dục, bình đẳng giới, người tàn tật.

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc theo Thông tư số 05/2022/TT-UBDT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc.

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành y tế theo Thông tư số 20/2019/TT-BYT ngày 31/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục theo Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Lao động, Thương binh và Xã hội theo Thông tư

01/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

- Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 623/QĐ-TTg, ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ) có các chỉ tiêu liên quan đến đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch theo Thông tư số 11/2021/TT-BVHTTDL ngày 06/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia theo Thông tư số 10/2019/TT-BKHĐT ngày 30/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngoài ra, hệ thống chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam (Thông tư số 11/2018/TT-BNV ngày 14/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ) bao gồm đến các chỉ tiêu về lao động, việc làm, sức khỏe, giáo dục của thanh niên.

BẢNG 1. CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH

Văn bản	1. Kinh tế	2. Dân số-LD-VL	3. Y tế	4. Giáo dục-Đào tạo	5. Văn hoá	6. An ninh trật tự	7. Bình đẳng giới	8. Nhóm XH dễ tổn thương	9. BVMT & BDKH
Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ	6								
Hệ thống chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành y tế		3	69				2	4	
Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia	4	18	11	4	7	3	55	13	
Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục				64					
Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch		1			4		4		
Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Lao động, Thương binh và Xã hội		14			11		5	3	
Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường									62
Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn									6
Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công thương		4	4						8
Bộ chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em		4	13	7	3	4		39	

Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc	21	15	23	13	12	4	1	61	
Hệ thống chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam	8	15	12	12	2	10		2	
Tổng số	39	74	132	100	39	21	67	122	76

Nguồn: Rà soát, tổng hợp của nhóm tác giả.

1.4. Một số đánh giá về các chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu thống kê của Việt Nam có liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia

Bảng 2 trình bày các chỉ tiêu liên quan tới các bộ chỉ số an sinh quốc gia trong hệ thống chỉ tiêu thống kê Việt Nam.

BẢNG 2. CÁC CHỈ TIÊU LIÊN QUAN ĐẾN BỘ CHỈ SỐ AN SINH QUỐC GIA CÓ TRONG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VIỆT NAM

Trụ cột	Chỉ tiêu thống kê quốc gia	Phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2020	Phát triển bền vững đến 2030	Các chỉ tiêu của bộ, ngành có liên quan	Tổng số
1. Phát triển kinh tế bền vững	105	14	19	101	239
2. Dân số- lao động -việc làm	37	6	22	85	150
3. Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe	16	3	23	118	160
4. Phát triển giáo dục và đào tạo	7	2	18	100	127
5. Phát triển văn hóa tinh thần-đạo đức xã hội			11	39	50
6. Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội	11	1	10	29	51
7. Bình đẳng giới	12	1	21	69	103
8. Bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương	2		24	130	154
9. Bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH	11	8	29	69	117
Tổng số chỉ tiêu	180	29	127	615	951
Số chỉ tiêu liên quan ASQG	199	35	177	740	1.151

Nguồn: Phí Vĩnh Tường (2023) và nhóm tác giả bổ sung, cập nhật từ các văn bản có liên quan.

Các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững bao hàm khá nhiều khía cạnh về kinh tế, xã hội và môi trường. Tuy nhiên, phân tích cho thấy, các chỉ tiêu tập trung nhiều hơn

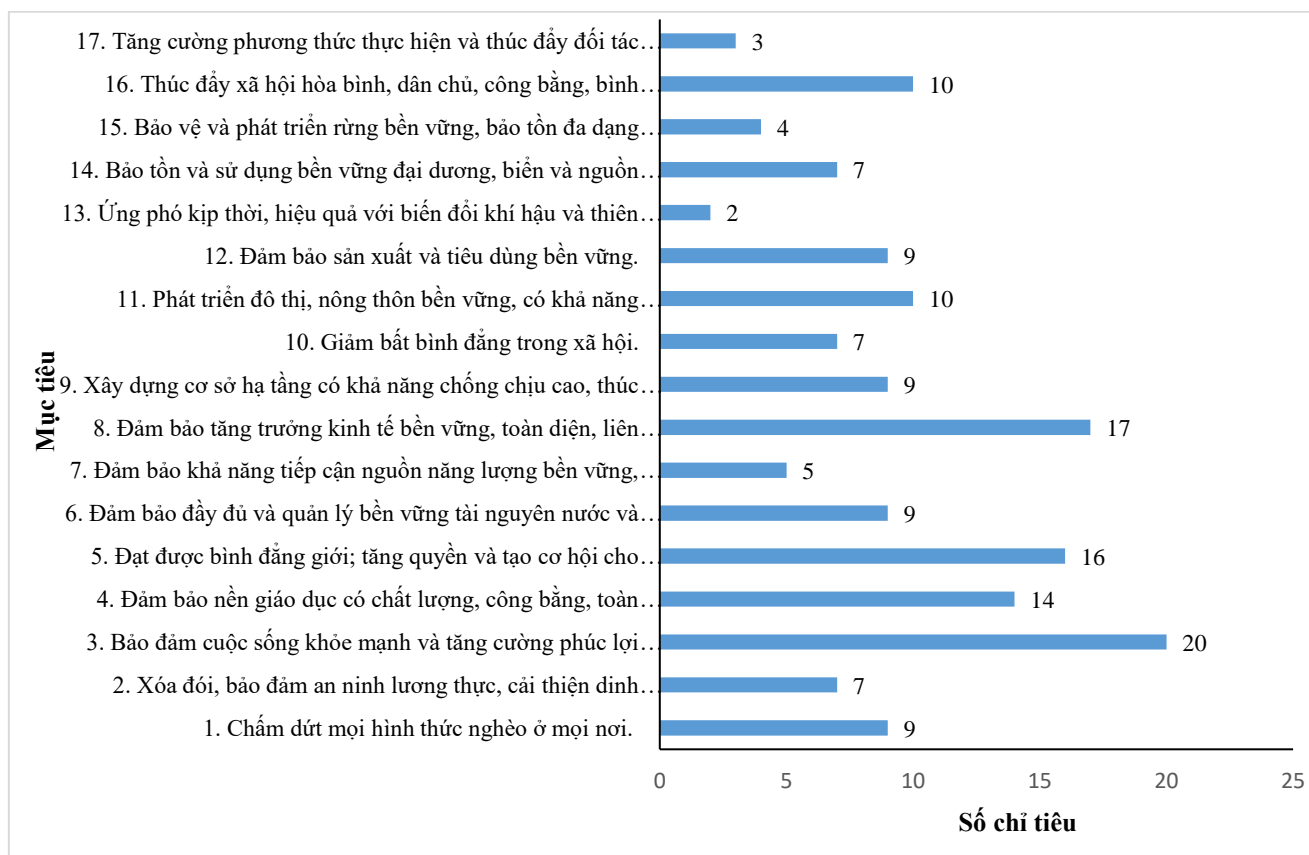
ở các vấn đề về kinh tế, xã hội; trong khi đó nhóm mục tiêu có ít chỉ tiêu phản ánh nhất là về bảo vệ tài nguyên môi trường, biến đổi khí hậu (Bảng 3 và Hình 1).

BẢNG 3. CÁC CHỈ TIÊU, CHỈ SỐ CHIA THEO LĨNH VỰC

	Chỉ tiêu tổng hợp	Kinh tế	Xã hội	Môi trường	Các chỉ tiêu đặc thù	Tổng số
Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ở cấp quốc gia	2	145	72	11		230
Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững 2011— 2020	3	10	10	7		30
Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững đến 2030	4	37	87	30		158
Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững địa phương	1	7	11	9	15	43
Tổng số	10	199	180	57	15	461

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả.

HÌNH 1. CÁC CHỈ TIÊU THEO BỘ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2019.

Các chỉ tiêu chủ yếu là về phát triển kinh tế mà chưa có chỉ tiêu phản ánh về phát triển kinh tế bền vững. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu về kinh tế chủ yếu là các chỉ số phản ánh đầu vào, ít các chỉ số phản ánh kết quả đầu ra và/hoặc thụ hưởng phúc lợi từ phát triển kinh tế. Hơn nữa, chỉ tiêu về kinh tế hầu như mới chỉ thể hiện cho mô hình kinh tế nâu và thiếu các chỉ tiêu phản ánh kinh tế xanh, kinh tế số,... (Lê Văn Hùng, 2023).

Hệ thống chỉ tiêu hiện có chưa phản ánh hết các vấn đề của phát triển bền vững ở Việt Nam. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (theo Luật Thống kê năm 2021) có 230 chỉ tiêu, trong đó có 80 chỉ tiêu liên quan tới các bộ chỉ số an sinh quốc gia nhưng chưa có chỉ tiêu nào liên quan tới bộ chỉ số phát triển văn hóa tinh thần - đạo đức xã hội (Bảng 2). Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững (Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT) với 158 chỉ tiêu, trong đó có một số chỉ tiêu phản ánh các nhóm yếu tố trong xã hội, bao gồm 56 chỉ tiêu liên quan đến trẻ em và 23 chỉ tiêu theo dân tộc thiểu số, nhưng chưa có các chỉ tiêu liên quan đến người khuyết tật. Cũng trong Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT, có 70 chỉ tiêu liên quan đến giới (bao gồm 54 chỉ tiêu có phân tổ theo giới tính và 16 chỉ tiêu thể hiện trực tiếp đối tượng là phụ nữ và trẻ em gái). Các chỉ tiêu về giới phần lớn là theo lĩnh vực mà chưa thể hiện rõ giữa các chỉ tiêu phản ánh đầu vào (các hoạt động quản lý, tuyên truyền) thúc đẩy bình đẳng giới và các chỉ tiêu phản ánh kết quả bình đẳng giới (Trần Thị Hồng, 2023).

Kết quả rà soát, đối chiếu với các chiến lược cho thấy, một số chiến lược, mục tiêu được Nhà nước ban hành gần đây nhưng vẫn thiếu, thậm chí là chưa có các chỉ tiêu để phản ánh. Chẳng hạn, kinh tế số và chuyển đổi số là những nội dung quan trọng nhưng

dan mục chỉ tiêu thống kê quốc gia thiếu các chỉ tiêu phản ánh sự đóng góp của kinh tế số, chuyển đổi số; mức độ ứng dụng khoa học - công nghệ và các chỉ tiêu phản ánh đổi mới sáng tạo.

Kết quả rà soát cũng cho thấy, nhiều khía cạnh cần thiết phản ánh an sinh quốc gia nhưng chưa có nhiều chỉ tiêu, chỉ số trong hệ thống chỉ tiêu thống kê của Việt Nam; ví dụ, thiếu các chỉ tiêu đo lường, phản ánh sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

2. Hiện trạng số liệu chính thống do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố

Trên cơ sở rà soát các chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu thống kê có liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia; nội dung này rà soát, đánh giá hiện trạng số liệu hiện có.

Phạm vi rà soát chỉ tập trung vào các số liệu chính thức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố. Trước hết, nguồn dữ liệu thu thập từ niên giám thống kê cấp quốc gia. Đây là các nguồn số liệu chính thống, có giá trị pháp lý và được thu thập, tổng hợp định kỳ hàng năm nên có thể tính toán và thực hiện các so sánh theo không gian, thời gian. Thứ hai, nguồn dữ liệu từ một số cuộc điều tra cấp quốc gia, chẳng hạn: Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (định kỳ 10 năm); Điều tra nông, lâm, thủy sản (định kỳ 5 năm); Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam - VHLSS (định kỳ 2 năm); Điều tra lao động việc làm (định kỳ hàng năm); Điều tra 53 dân tộc thiểu số (định kỳ 5 năm). Thứ ba, các dữ liệu thứ cấp từ các cuộc điều tra, thống kê chuyên ngành của các bộ, ngành có liên quan.

Về thời gian, nghiên cứu này chỉ rà soát, đánh giá hiện trạng số liệu ở cấp quốc gia và cho giai đoạn 2015 - 2022.

BẢNG 4. CÁC SỐ LIỆU THỨ CẤP LIÊN QUAN ĐẾN BỘ CHỈ SỐ AN SINH QUỐC GIA DO CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ

Stt	Bộ chỉ số	Số chỉ tiêu	Số năm có số liệu, giai đoạn 2015 - 2022								
			Không có	1 năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	6 năm	7 năm	8 năm
	Tổng số	1.151	574	80	37	51	41	51	171	161	155
1	Phát triển kinh tế bền vững	239	39	6	7	0	0	4	88	81	78
2	Dân số - lao động - việc làm	150	108	6	1	6	3	4	25	22	19
3	Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe	160	109	5	1	5	25	8	7	7	7
4	Phát triển giáo dục và đào tạo	127	41	2	11	3	0	20	22	22	22
5	Phát triển văn hóa tinh thần - đạo đức xã hội	50	38	6	2	0	0	1	1	1	1
6	Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội	51	21	8	3		1	2	8	8	8
7	Bình đẳng giới	103	42	21	3	6	8	2	8	8	8
8	Bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương	154	78	30	5	6	7	5	9	9	9
9	Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	117	66	11	12	22	4	10	3	3	3

Nguồn: Phí Vĩnh Tường (2023) và bổ sung, cập nhật của nhóm tác giả.

Kết quả rà soát cho thấy, trong tổng số 1.151 chỉ tiêu thống kê có liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia; chỉ có 747 có số liệu và có tới 574 chỉ tiêu chưa có số liệu (Bảng 4).

2.1. Các chỉ tiêu có số liệu

Trong thực tế, tổng số 747 chỉ tiêu có số liệu nhưng số liệu ở các mức độ đầy đủ khác nhau. Trong giai đoạn 2015 - 2022, số chỉ tiêu có số liệu phần lớn là trong 6 - 8 năm. Đây là những chỉ tiêu có nguồn số liệu từ niên giám thống kê hàng năm. Trong 747 chỉ tiêu có số liệu, có tới 80 chỉ tiêu có số liệu trong 1 năm.

Những chỉ tiêu có số liệu trong 1 năm hoặc 2 năm là các chỉ tiêu thu thập qua Tổng điều tra hoặc có chu kỳ công bố số liệu dài (5 năm, 10 năm) hoặc thực hiện vào năm có tổng điều tra. Những chỉ tiêu có số liệu từ 3 - 5 năm là những chỉ tiêu có kỳ công bố năm song hiện mới thu thập được số liệu trong những năm gần đây.

Xét theo các bộ chỉ số, số liệu hiện có chủ yếu là ở các bộ chỉ số: phát triển kinh tế bền vững; dân số, lao động và việc làm; phát triển giáo dục và đào tạo;... Số liệu vẫn còn khá khiêm tốn ở các bộ chỉ số như bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; văn hóa tinh thần và đạo đức xã hội;... Kết quả này khá tương đồng với một số nghiên cứu khác khi cho rằng, các cơ sở dữ liệu hiện có chủ yếu

tập trung vào một số chỉ tiêu liên quan đến kinh tế - xã hội, các số liệu liên quan về lĩnh vực tài nguyên và môi trường vẫn còn khá khiêm tốn, thậm chí là chưa có số liệu (Nguyễn Ngọc Thía, 2021; Vũ Tuấn Anh, 2020).

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ở cấp quốc gia (theo Luật Thống kê năm 2021) có 180 chỉ tiêu và chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh có 130 chỉ tiêu liên quan tới các bộ chỉ số an sinh quốc gia, trong các con số này có 111 chỉ tiêu liên thông giữa Trung ương và địa phương (Bảng 2). Trong 180 chỉ tiêu thống kê quốc gia ở cấp quốc gia liên quan tới các bộ chỉ số an sinh quốc gia, có 135 chỉ tiêu có sẵn số liệu, trong đó là 55 giống nhau ở cấp quốc gia và cấp tỉnh (Bảng 5).

BẢNG 5. CHỈ TIÊU THỐNG KÊ Ở CẤP QUỐC GIA VÀ CẤP TỈNH LIÊN THÔNG VỚI NHAU

Bộ chỉ số	Chỉ tiêu ở cấp quốc gia		Chỉ tiêu ở cấp quốc gia có số liệu	
	Số chỉ tiêu cấp quốc gia	Có chỉ tiêu tương ứng ở cấp tỉnh	Có số liệu	Có số liệu tương ứng ở cấp tỉnh
1. Phát triển kinh tế bền vững	105	49	68	17
2. Dân số- lao động - việc làm	37	36	35	19
3. Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe	16	10	15	11
4. Phát triển giáo dục và đào tạo	7	5	6	3
5. Phát triển văn hóa tinh thần-đạo đức xã hội				
6. Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội	11	7	7	5
7. Bình đẳng giới	12	2	12	4
8. Bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương	2	1	2	
9. Bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH	11	10	9	4
Tổng số chỉ tiêu	180	111	135	55
Số chỉ tiêu liên quan ASQG	201	120	154	63

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả.

Các nghiên cứu chỉ ra rằng, nhìn chung, tại Việt Nam, số liệu hiện có trong nhiều lĩnh vực đang nằm rải rác ở nhiều nguồn khác nhau, các cấp khác nhau và vẫn hạn chế về tính đồng bộ, nhất quán giữa các nguồn cung cấp (Vũ Tuấn Anh, 2020; Nguyễn Văn Vương, 2016; Trần Văn Ý, 2016). Điều này không phải là ngoại lệ đối với các số liệu liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia. Phân tích, đánh giá các số liệu hiện có cho thấy, các số liệu về an sinh quốc gia liên quan đến nhiều bộ, ngành khác nhau và mỗi cơ quan phụ trách một vài lĩnh vực. Nói cách khác, các số liệu hiện có đang nằm rải rác ở nhiều nguồn khác nhau, các cấp khác nhau. Các số liệu hiện có đang nằm rải rác và chưa có tính liên kết, xuyên suốt và chưa được sắp xếp, tổ chức khoa học, cập nhật và khai thác thường xuyên.

Không ít dữ liệu có liên quan đến an sinh quốc gia tuy có sẵn nhưng phương pháp đo lường, thu thập thiếu sự đồng bộ theo thời gian và không gian. Điều này khiến cho khó khăn, thách thức trong việc so sánh theo thời gian và không gian. Hơn nữa, không ít dữ liệu đang tồn tại trên các ấn phẩm đã in trên giấy hoặc các số liệu ở các định dạng khác nhau đặt ra không ít khó khăn, thách thức trong việc khai thác, sử dụng, trong khi đó chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, dữ liệu ở dạng số (digital) là cần thiết phục vụ trực tiếp và kịp thời cho việc khai thác, sử dụng và ra quyết định ở các cấp.

BẢNG 6. LỒNG GHÉP CÁC CHỈ TIÊU CHƯA CÓ SỐ LIỆU VÀO CÁC CUỘC ĐIỀU TRA

	Chưa có số liệu nhưng có thể lồng ghép qua các nguồn chính thức	Chưa có số liệu nhưng có thể lồng ghép qua các cuộc điều tra ngoài chương trình ĐTTKQG
1. Phát triển kinh tế bền vững	76	11
2. Dân số - lao động - việc làm	35	10
3. Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe	15	17
4. Phát triển giáo dục và đào tạo	6	11
5. Phát triển văn hóa tinh thần-đạo đức xã hội	0	7
6. Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã	0	4

2.2. Các chỉ tiêu chưa có số liệu

Trong số 1151 chỉ tiêu liên quan tới bộ chỉ số an sinh quốc gia nhưng có tới 574 chỉ tiêu chưa có số liệu (Bảng 4). Các chỉ tiêu chưa có số liệu vì nhiều lý do khác nhau song các nguyên nhân chủ yếu là: i) số liệu của các chỉ tiêu không thu thập từ nguồn dữ liệu hành chính hiện có mà phải thực hiện điều tra thống kê; ii) số liệu điều tra hiện nay chỉ được thu thập qua các cuộc Tổng điều tra với chu kỳ 5 năm hoặc 10 năm một lần và không bảo đảm số liệu thường xuyên để giám sát việc thực hiện các mục tiêu an sinh quốc gia theo từng năm; iii) để tiến hành điều tra thống kê thường xuyên cần nguồn lực rất lớn cả về tài chính lẫn con người nhưng ngân sách quốc gia không bảo đảm được do những ưu tiên trong từng giai đoạn (Nguyễn Đình Khuyến, 2023).

Những chỉ tiêu chưa có số liệu có nhiều biện pháp để bổ sung, trong đó theo các nguồn lực hiện hành có thể thực hiện theo 2 cách: i) có thể lồng ghép vào các cuộc điều tra quốc gia; ii) phải điều tra bổ sung.

Trong tổng số 574 chỉ tiêu chưa có số liệu, có tới 154 chỉ tiêu chưa có số liệu nhưng có thể lồng ghép vào các cuộc điều tra quốc gia và 95 chỉ tiêu có thể lồng ghép qua các cuộc điều tra ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia (ĐTTKQG) (Bảng 6). Như vậy, trong tổng số 574 chỉ tiêu chưa có số liệu, cần tiến hành điều tra bổ sung 325 chỉ tiêu.

hội		
7. Bình đẳng giới	12	15
8. Bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương	2	13
9. Bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH	8	7
Tổng số chỉ tiêu	154	95

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả.

3. Các đề xuất về tổ chức, cơ chế thu thập, cung cấp số liệu phục vụ xây dựng bộ chỉ số an sinh quốc gia

3.1. Đề xuất về lựa chọn các chỉ tiêu xây dựng bộ chỉ số an sinh quốc gia

Việc xây dựng bộ chỉ số an sinh quốc gia cần đảm bảo tính khả thi như xuất phát từ tính pháp lý và các số liệu hiện có để lựa chọn các chỉ tiêu. Theo đó, việc lựa chọn chỉ tiêu và xây dựng các bộ chỉ số thành phần của bộ chỉ số an sinh quốc gia dựa theo những khía cạnh sau:

- Tùy mục đích và nội dung nghiên cứu của từng bộ chỉ số thành phần thuộc bộ chỉ số an sinh quốc gia để lựa chọn chỉ tiêu phù hợp.

- Ưu tiên sử dụng chỉ tiêu đã có đầy đủ số liệu theo từng năm để phục vụ tính toán, thử nghiệm và xây dựng cơ sở dữ liệu cho từng trụ cột và cho cả bộ chỉ tiêu, chỉ số an sinh quốc gia.

- Cần nhắc sử dụng những chỉ tiêu chưa có đầy đủ số liệu hoặc có kỳ số liệu dài (5 năm, 10 năm) vì những chỉ tiêu này chỉ thu thập qua tổng điều tra thống kê. Các cuộc điều tra hàng năm không đủ cỡ mẫu để suy rộng, do vậy, không thể thu thập số liệu theo năm để tính chỉ số tổng hợp chung.

3.2. Tổ chức thu thập số liệu phục vụ xây dựng bộ chỉ số an sinh quốc gia

Trên cơ sở rà soát các chỉ tiêu thông kê và hiện trạng số liệu, nghiên cứu này đề xuất biện pháp xử lý đối với các chỉ tiêu thông kê liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia nhưng chưa có số liệu, bao gồm:

- Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia, đó là: i) các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia: tổng điều tra dân số và nhà ở; tổng điều tra kinh tế; ii) các cuộc điều tra thống kê. Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg cũng nêu rõ và chỉ ra cụ thể cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm điều tra đối với từng cuộc điều tra. Các chỉ tiêu thông kê chưa có số liệu nhưng có thể lồng ghép vào chương trình điều tra thống kê quốc gia (Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg) bao gồm: bộ chỉ số phát triển kinh tế bền vững; bộ chỉ số phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe; bộ chỉ số phát triển giáo dục và đào tạo; bộ chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương; bộ chỉ số về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; bộ chỉ số dân số - lao động - việc làm; bộ chỉ số về bình đẳng giới.

- Bộ chỉ số phát triển văn hóa tinh thần - đạo đức xã hội và bộ chỉ số đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội chưa có nhiều số liệu và các cuộc điều tra có liên quan để cung cấp số liệu. Vì vậy, các bộ chỉ số này cần phải tiến hành điều tra bổ sung.

Trong 325 chỉ tiêu thông kê liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia nhưng chưa có số liệu: có 65 chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thông kê quốc gia do Tổng cục Thống kê công bố (trong số này có 25 chỉ tiêu do các bộ, ngành chịu trách nhiệm điều tra, thu thập), còn lại 260 chỉ tiêu không thuộc hệ thống chỉ tiêu thông kê quốc gia sẽ do Bộ trưởng, Thủ trưởng

cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ công bố. Căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia để hình thành hệ thống tổ chức các cơ quan tham gia thu thập, điều tra các số liệu của bộ chỉ số an sinh quốc gia.

3.3. Cơ chế thu thập, cung cấp và chia sẻ số liệu phục vụ xây dựng bộ chỉ số an sinh quốc gia

Bộ chỉ số an sinh quốc gia liên quan đến nhiều lĩnh vực, đòi hỏi nhiều bộ, ngành tham gia thu thập, tổng hợp. Vì vậy, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các bộ, ngành và địa phương là rất cần thiết để thuận tiện cho việc thu thập, tổng hợp, cập nhật số liệu trong những năm tiếp theo. Theo phương thức này, một cơ quan làm đầu mối, chịu trách nhiệm về thu thập, tổng hợp các số liệu về các chỉ tiêu của bộ chỉ số an sinh quốc gia (ví dụ, Tổng cục Thống kê). Cơ quan này sẽ lập danh sách những chỉ tiêu cần số liệu và gửi về Bộ/ngành được phân công thu thập, tổng hợp số liệu của các chỉ tiêu đó. Sau khi công bố số liệu của chỉ tiêu, Bộ/ngành sẽ gửi số liệu về cơ quan quản lý bộ số liệu của bộ chỉ số an sinh quốc gia để cập nhật, bổ sung vào kho dữ liệu chung.

3.4. Xây dựng, khai thác, sử dụng số liệu phục vụ xây dựng bộ chỉ số an sinh quốc gia

- Chuyển đổi số trong việc báo cáo, thu thập, tổng hợp số liệu liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng báo cáo, thu thập, tổng hợp số liệu liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia theo hướng bắt đầu bằng tự liệu hóa, số hóa, tự động hóa các quy trình nghiệp vụ trên môi trường số hóa. Quá trình chuyển đổi số theo hướng hiệu quả, nhanh chóng và đồng bộ giúp nâng cao chất lượng thông tin, đáp ứng nhanh và kịp thời nhu cầu sử dụng thông tin, nâng cao tính dễ tiếp cận số liệu.

Xây dựng hành lang pháp lý quy định về cung cấp các báo cáo, số liệu liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia ở dạng số. Điều này nhằm phục vụ khai thác và sử dụng hiệu quả dữ liệu thống kê, nâng cao tính minh bạch và giải trình, xóa bỏ khoảng cách dữ liệu tạo tiền đề cho cách mạng dữ liệu thống kê.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về bộ chỉ số an sinh quốc gia.

Xây dựng cơ sở dữ liệu bao gồm hai bộ phận: hình thành kho dữ liệu ở dạng số và xây dựng nền tảng ứng dụng, hạ tầng công nghệ thông tin. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu là lời giải cho bài toán về tính rời rạc và liên thông kém, tạo nên cơ sở dữ liệu đồng bộ thống nhất, thuận lợi cho việc khai thác, chia sẻ, phù hợp với xu hướng hiện nay. Do vậy, xây dựng cơ sở dữ liệu về bộ chỉ số an sinh quốc gia tập trung ở cấp quốc gia là yêu cầu thực tế cấp thiết đáp ứng nhanh và kịp thời nhu cầu sử dụng thông tin của các cấp lãnh đạo và toàn xã hội.

Việc hình thành kho dữ liệu đòi hỏi thực hiện chuyển đổi, chuẩn hóa và tích hợp số liệu liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia của bộ, ngành và địa phương vào CSDL quốc gia, tập trung khai thác, sử dụng.

Xây dựng nền tảng ứng dụng và công nghệ thông tin dùng chung phục vụ hoạt động thu thập, tổng hợp, khai thác, sử dụng số liệu liên quan đến bộ chỉ số an sinh quốc gia. Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, thống nhất cho hệ thống sẵn sàng cho việc kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu đối với CSDL tại bộ, ngành, địa phương.

Kết luận

Thông qua việc rà soát hệ thống chỉ tiêu quốc gia cùng các nguồn dữ liệu khác, bài viết đã cho thấy hiện Việt Nam còn rất thiếu các chỉ tiêu để phản ánh các khía cạnh của an sinh quốc gia. Việc thiếu hụt dữ liệu và các chỉ tiêu phục vụ phân tích và đánh giá hệ thống an sinh

quốc gia là hết sức cấp thiết do thiếu thông tin đầu vào cho việc phân tích, đánh giá thực trạng và xây dựng chính sách phục vụ an sinh quốc gia. Thông qua những thiếu hụt đã chỉ ra, bài viết cũng đã đề xuất các giải pháp về tổ

chức, cơ chế thu thập, cung cấp số liệu phục vụ xây dựng bộ chỉ số an sinh quốc gia tại Việt Nam, phục vụ đặc lực cho định hướng phát triển bền vững đất nước, đảm bảo an sinh cho mọi người dân.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019). *Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam*.
2. Lê Văn Hùng (2023). *Xây dựng khung khổ lý thuyết, thực tiễn và xác định nội dung thành phần bộ chỉ số phát triển kinh tế bền vững*. Báo cáo nghiên cứu, nhiệm vụ khoa học cấp bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
3. Nguyễn Đình Khuyên (2023). *Nguyên tắc rà soát, xác định số liệu phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh quốc gia*. Hội thảo Nguyên tắc, quy trình, phương pháp thu thập và xác định nguồn dữ liệu thứ cấp phục vụ xây dựng bộ chỉ số an sinh quốc gia, Viện Kinh tế Việt Nam tổ chức ngày 7/10/2023 tại Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Thía (2021). *Thực trạng xây dựng bộ chỉ số bền vững tại Việt Nam và một số kiến nghị*. *Tạp chí điện tử Công Thương*, số 2, tháng 1 năm 2021.
5. Nguyễn Văn Vượng (2016). *Nghiên cứu, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc*. Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học (thuộc Chương trình Tây Bắc), Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Phí Vĩnh Tường (2023). *Những vấn đề chung trong xây dựng bộ chỉ số an sinh quốc gia*. Báo cáo nghiên cứu, nhiệm vụ khoa học cấp bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
7. Trần Thị Hồng (2023). *Bộ chỉ số bình đẳng giới*. Báo cáo nghiên cứu, nhiệm vụ khoa học cấp bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
8. Trần Văn Ý (2016). *Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ thị phát triển bền vững về các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường các tỉnh Tây Nguyên*. Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học (thuộc Chương trình Tây Nguyên 3), Hà Nội.
9. Vũ Tuấn Anh (2020). *Xây dựng cơ sở dữ liệu phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ*. Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học (thuộc Chương trình Tây Nam Bộ), Hà Nội.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Đình Hòa, TS.

- Đơn vị công tác: Viện Kinh tế Việt Nam
- Địa chỉ email: nguyendinhhoaktpt@gmail.com

Ngày nhận bài: 27/12/2023

Ngày nhận bản sửa: 20/01/2024

Ngày duyệt đăng: 11/02/2024